TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST Ngày 21-3-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết;

Ông Trần Thế Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Thôn H, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đã có quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11-12-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-11-2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình anh T tại tổ dân phố Bắc Hải, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất

đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình tác động, hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T vẫn không được cải thiện. Đến giữa năm 2014, chị đã về mẹ đẻ tại Tuyên Quang ở và sống ly thân với anh T, từ đó đến nay, chị không còn thông tin liên lạc gì với anh T nữa. Đến đầu năm 2018, chị được biết anh T đã đi biệt tích, không có thông tin liên lạc gì với gia đình, người thân từ khoảng đầu năm 2015 đến nay nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tuyên bố anh T mất tích, Tòa án đã ra Quyết định số 03/2018/QĐST-VDS ngày 11-10-2018 tuyên bố anh T mất tích. Nay để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 27-10-2013. Chị nhận nuôi cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết việc chị C xin ly hôn với anh T, đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, cho thấy: Anh T vẫn vắng mặt tại địa phương và không có tin tức gì. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị C được ly hôn anh T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-11-2011 nên quan hệ hôn nhân

của anh chị là hợp pháp. Nay, chị C có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, bị đơn là anh Nguyễn Đình T, có nơi cư trú tại: Tổ dân phố Bắc Hải, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T vắng mặt nhưng Tòa án đã có quyết định tuyên bố anh T mất tích. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh T.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị C trình bày, trong quá trình chung sống, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù gia đình hai bên đã tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trình bày của chị C phù hợp với ý kiến của ông Nguyễn Đình L - là bố đẻ của anh Nguyễn Đình T. Đầu năm 2015, anh T bỏ đi biệt tích, chị C đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tuyên bố anh T mất tích, đến ngày 11-10-2018, Tòa án đã ra Quyết định số 03/2018/QĐST-VDS tuyên bố anh T mất tích. Đến thời điểm này, anh T vẫn vắng mặt tại địa phương, không có tin tức gì. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị C về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định theo khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 27-10-2013. Chị C nhận nuôi cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, anh T hiện đang mất tích, không có tin tức gì, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu H, cần chấp nhận yêu cầu của chị C về việc nuôi con. Chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị C và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 27-10-2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét hoặc đến khi chị C và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006913 ngày 13-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn; chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Bàng La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường